

VIETNAM DAILY

[Điểm nhấn thị trường]

TTCK Việt Nam giảm điểm dưới sự tác động của cổ phiếu nhóm ngành chứng khoán với thanh khoản giảm

[Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF]

Các HĐTL giảm điểm tương đồng với diễn biến của thị trường cơ sở

[Thông tin doanh nghiệp]

MWG, HPG

[Cập nhật công ty]

ACB

[Quan điểm đầu tư]

NDT được khuyến nghị bán hạ tỷ trọng trong các nhịp hồi sớm chỉ trải lệnh từng phần tại các ngưỡng hỗ trợ xa

30/10/2023

	Chỉ số	Thay đổi (%, bp)
VNIndex	1,042.40	-1.72
VN30	1,047.63	-1.87
HĐTL VN30F1M	1,039.90	-2.68
HNXIndex	211.34	-3.07
HNX30	420.94	-5.85
UPCoM	82.28	-0.99
USD/VND	24,568	-0.02
Lợi suất TPCP 10 năm (%)	2.88	-2
Lãi suất qua đêm (%)	0.90	-67
Dầu (WTI, \$)	84.15	-1.13
Vàng (LME, \$)	1,996.03	+0.48



Điểm nhấn thị trường

VNIndex 1,042.40 (-1.72%)
KLGD (triệu CP) 465.8 (-27.1%)
GTGD (triệu US\$) 359.1 (-35.6%)

TTCK Việt Nam giảm điểm dưới sự tác động của cổ phiếu nhóm ngành chứng khoán với thanh khoản giảm. Khối ngoại bán ròng, tập trung tại VHM (+0%), TCB (-4.91%), MSN (+0.35%).

HNXIndex 211.34 (-3.07%)
KLGD (triệu CP) 64.5 (-18.5%)
GTGD (triệu US\$) 49.0 (-11.5%)

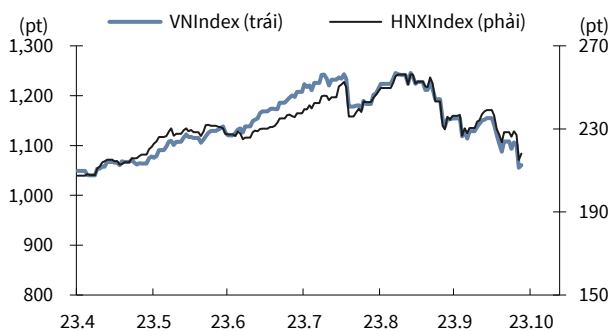
Theo GSO, tính chung 10 tháng năm 2023, khách quốc tế đến nước ta đạt gần 10 triệu lượt người, gấp 4.2 lần cùng kỳ năm trước nhưng vẫn chỉ bằng 69% so với cùng kỳ năm 2019 – năm chưa xảy ra dịch Covid-19. Cổ phiếu nhóm Du lịch giảm giá ở VJC (-1.80%), HVN (-0.47%).

UPCoM 82.28 (-0.99%)
KLGD (triệu CP) 20.8 (-45.0%)
GTGD (triệu US\$) 13.0 (-19.0%)

Lúc 6h30 ngày 30/10, giá dầu WTI giao dịch ở mức 84.17 USD/thùng, giảm 1.37 USD/thùng so với đầu giờ sáng qua, trong khi dầu Brent giao dịch mức 89.08 USD/thùng, giảm 1.4 USD/thùng. Cổ phiếu nhóm Dầu khí giảm giá ở PVS (-5.66%), PVD (-5.04%).

NĐTNN mua ròng (triệu US\$) -3.6

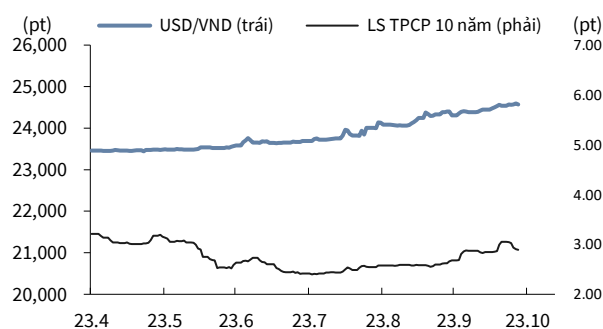
VNIndex & HNXIndex



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

USD/VND & lợi suất trái phiếu chính phủ 10 năm



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Giá trị mua ròng khối ngoại lũy kế 3 tháng



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

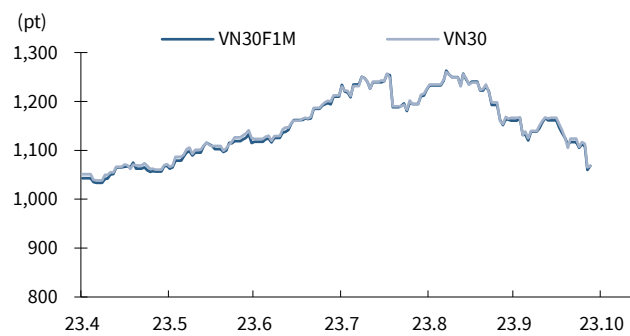
Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF

VN30	1,047.63 (-1.87%)
VN30F1M	1,039.9 (-2.68%)
Mở cửa	1,063.1
Cao nhất	1,066.4
Thấp nhất	1046.48

Các HĐTL giảm điểm tương đồng với diễn biến của thị trường cơ sở. Chênh lệch giữa F2311 và VN30 ghi nhận mức thấp nhất tại -12.37 điểm trong đầu phiên sáng, sau đó biến động quanh mức -0.43 điểm toàn phiên, đóng cửa tại -7.73 điểm. Khối lượng giao dịch giảm.

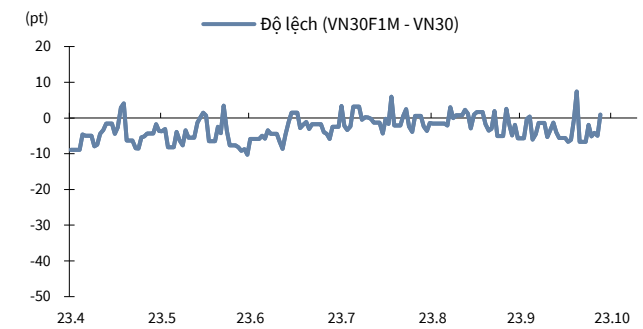
KLGD (HĐ)	285,903 (-23.1%)
------------------	-------------------------

HĐTL VN30F1M & VN30



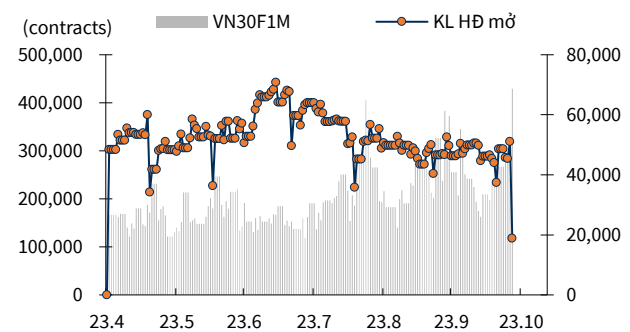
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Độ lệch HĐTL VN30F1M so với VN30



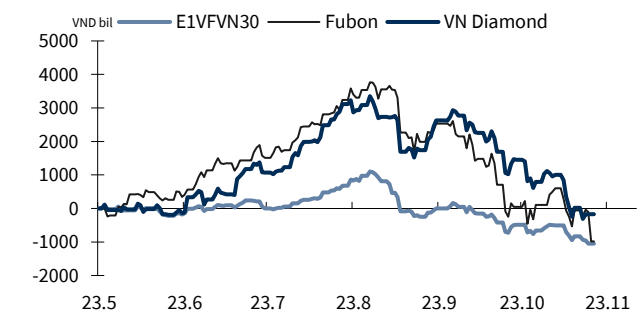
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KLGD HĐTL VN30F1M & KL hợp đồng mở



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Biến động tổng tài sản các quỹ ETFs lớn



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Thông tin doanh nghiệp

CTCP Đầu tư Thế giới Di động (MWG)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- MWG giảm 3.57% xuống 40,500 VND/cp

- Trong thông báo mới nhất, CTCP Đầu tư Thế giới Di động vừa công bố báo cáo kinh doanh 9 tháng đầu năm. Riêng trong tháng 9/2023, doanh thu của MWG ước đạt hơn 10,400 tỷ đồng, tăng 5% so với tháng 8 trước đó và gần sát ngưỡng doanh thu của cùng kỳ năm trước. Lũy kế 9 tháng đầu năm 2023, doanh thu thuần MWG ước đạt 86,858 tỷ đồng, giảm 16% YoY. So với kế hoạch, công ty đã hoàn thành 64% chỉ tiêu doanh thu trong năm nay.

CTCP Tập đoàn Hòa Phát (HPG)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- HPG giảm 1.5% xuống 23,000 VND/cp

- CTCP Tập đoàn Hòa Phát vừa công bố kết quả kinh doanh quý III/2023 với lợi nhuận sau thuế 2,000 tỷ đồng, tăng 38% so với quý II và vượt trội so với mức lỗ 1,786 tỷ đồng cùng kỳ năm trước. Lũy kế 9 tháng, Hòa Phát đạt 3,830 tỷ đồng lợi nhuận sau thuế, hoàn thành 48% kế hoạch năm. Nhìn chung, sản lượng trong 9 tháng của Hòa Phát hầu hết giảm so với cùng kỳ. Trong quý III/2023, Hòa Phát ghi nhận doanh thu giảm 16% YoY xuống 28,766 tỷ đồng. Lũy kế 9 tháng, doanh thu đạt 85,430 tỷ đồng, giảm 27% YoY.

Ngân hàng TMCP Á Châu (ACB)

Cập nhật cuộc họp với chuyên viên phân tích

Cập nhật kết quả kinh doanh 3Q2023

- Tăng trưởng tín dụng tính đến cuối tháng 9/2023 đạt 8.7% YTD, có sự hồi phục so với đầu năm nhưng chưa mạnh mẽ trong bối cảnh nền kinh tế khó khăn. Cụ thể, mảng cho vay KHCN tăng trưởng khiêm tốn 7% YoY (mức tăng các năm trước 2 chữ số) bởi cho vay mua nhà chỉ tăng 5% YoY, cho vay tiêu dùng cũng ghi nhận suy giảm. Trái lại, cho vay doanh nghiệp tăng trưởng hơn 10%, đóng góp chính vào tăng trưởng tín dụng của ngân hàng.
- Thu nhập lãi thuần đạt 6,209 tỷ đồng (+2.9% YoY). Đáng chú ý thu nhập ngoài lãi ghi nhận kết quả gấp đôi so với cùng kỳ chủ yếu đến từ hoạt động FX, CKĐT thu lãi lớn do ngân hàng tìm kiếm lợi nhuận bằng cách tận dụng những biến động vĩ mô trên thị trường. Nhờ vậy, tổng thu nhập hoạt động quý 3/2023 đạt 8,424 tỷ đồng (+19% YoY).
- Chi phí hoạt động tăng 13.6% QoQ, trong khi chi phí dự phòng thấp hơn quý 2, nhưng tăng mạnh so với cùng kỳ. LNST của ngân hàng lũy kế 9T đạt 15,024 tỷ đồng – hoàn thành 77% so với mức dự phóng cả năm của chúng tôi.

Diễn biến chất lượng tài sản đồng pha với thị trường

- Tỷ lệ nợ xấu (NPL) tăng 14bps so với quý trước lên mức 1.2%, ACB vẫn là ngân hàng có tỷ lệ NPL thấp nhất toàn hệ thống cùng với VCB. Nợ xấu tăng trong quý này chủ yếu tập trung nhóm KHDN khi ACB có 1-2 khách hàng chất lượng nợ suy giảm tại các ngân hàng khác dẫn đến bị điều chỉnh nhóm nợ trên CIC. Nợ nhóm 2 và nợ xấu mới hình thành đã có xu hướng giảm so với quý trước cho thấy đỉnh nợ xấu đầu đó ở quanh vùng này. ACB cũng đặt mục tiêu có thể kiểm soát nợ xấu dưới 1% trong năm 2024.
- Chi phí dự phòng trong Q3/2023 được ngân hàng ghi nhận ở mức 521 tỷ đồng (-26% QoQ). Chi phí tín dụng cao hơn năm 2022 nhưng không đáng kể, vẫn giữ mức thấp (<0.5%) so với các ngân hàng khác. Tỷ lệ bao phủ nợ xấu LLR giảm về mức 93% do phần dự phòng cho Covid đã giảm liên tục, đồng thời ACB tăng cường xử lý rủi ro để quản lý chất lượng tài sản tốt hơn.
- Ngân hàng tiếp tục duy trì danh mục an toàn với hơn 60% TPCP, không có TPDN.

NIM tiếp tục có xu hướng giảm do ACB đẩy mạnh hỗ trợ lãi suất vay cho KH

- Theo ACB, Chi phí vốn có tín hiệu tích cực khi đã giảm 0.25% so với đầu năm, lãi suất huy động bình quân của ngân hàng cũng đang ở mức tương đối thấp (~4.9%). Tuy nhiên, do lãi suất cho vay giảm mạnh hơn theo kế hoạch hỗ trợ khách hàng nên NIM theo quý giảm 14bps so với quý trước.

Quan điểm kỹ thuật

Xu hướng & Hành động

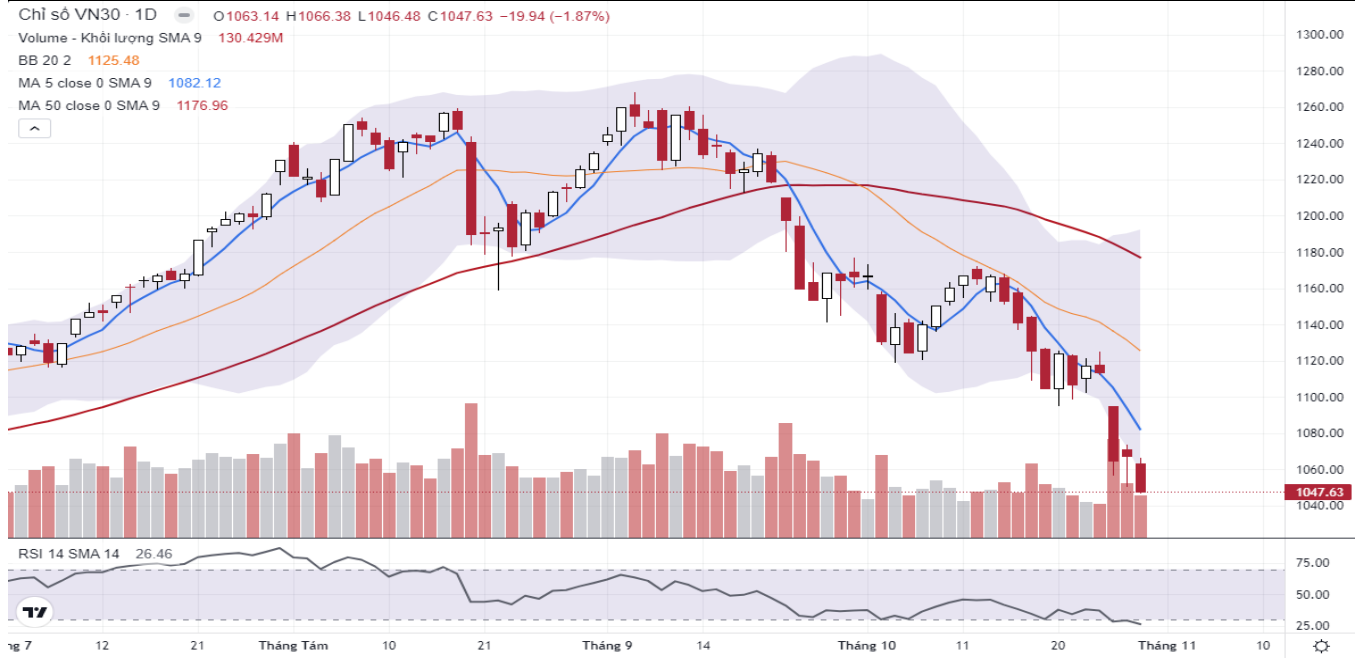
Thị trường cơ sở – Chỉ số VNIndex



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

- Sau những nỗ lực hồi phục bất thành trong phiên, VNIndex dần suy yếu và lao dốc mạnh về cuối phiên.
- Áp lực bán một lần nữa gia tăng quanh ngưỡng kháng cự gần 1060 đã khiến cho đà hồi phục không duy trì được đến cuối phiên và chỉ số một lần nữa lùi về quanh vùng đáy cũ. Việc chỉ số vẫn tiếp tục bám sát cạnh dưới của Bollinger Band cùng ADX tiếp tục hướng lên trên cho thấy xu hướng giảm điểm vẫn tiếp tục đóng vai trò chủ đạo và VNIndex đang phải đối mặt với rủi ro mở rộng nhịp điều chỉnh xuống vùng hỗ trợ sâu hơn quanh 1000 (+-15)
- NĐT được khuyến nghị bán hạ tỷ trọng trong các nhịp hồi sớm chỉ trải lệnh từng phần tại các ngưỡng hỗ trợ xa.

Chỉ số VN30



Thị trường phái sinh - Hợp đồng tương lai VN30F1M (F1)



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

Ngưỡng trong phiên

Kháng cự xa: 1064 - 1068

Kháng cự gần: 1050 - 1053

Hỗ trợ gần: 1033 - 1035

Hỗ trợ xa: 1015 - 1020

- Sau những nỗ lực hồi phục bất thành trong phiên, F1 dần suy yếu và lao dốc mạnh về cuối phiên.
- Áp lực bán một lần nữa gia tăng quanh ngưỡng kháng cự gần 1060 đã khiến cho đà hồi phục không duy trì được đến cuối phiên và chỉ số một lần nữa lùi về quanh vùng đáy cũ. Việc chỉ số vẫn tiếp tục bám sát cạnh dưới của Bollinger Band cùng ADX tiếp tục hướng lên trên cho thấy xu hướng giảm điểm vẫn tiếp tục đóng vai trò chủ đạo và F1 đang phải đối mặt với rủi ro mở rộng nhịp điều chỉnh xuống vùng hỗ trợ sâu hơn quanh 1000 (+-15).
- Chiến lược giao dịch trong phiên: Linh hoạt trading 2 chiều, SHORT tại kháng cự, LONG tại hỗ trợ.
- Chiến lược giao dịch qua đêm: Linh hoạt trading 2 chiều, SHORT tại kháng cự, LONG tại hỗ trợ.

Lưu ý: Mức dừng lỗ áp dụng cho các vị thế trong phiên là 2 điểm và qua đêm là 5 điểm. Tùy vào khẩu vị rủi ro và diễn biến thực tế, NĐT có thể cần điều chỉnh tăng giảm nhẹ các mức này.

KBSV danh mục đầu tư mẫu

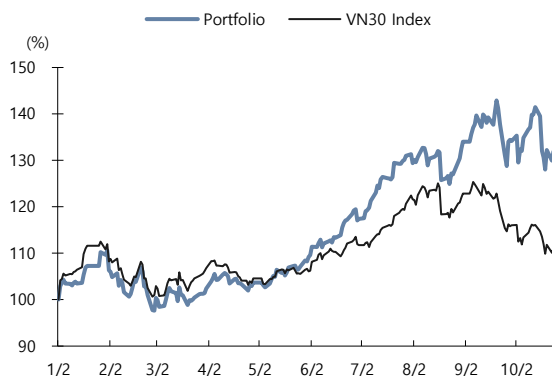
Khởi phân tích KBSV

Phương pháp tiếp cận:

- Danh mục tập hợp các cổ phiếu tiềm năng nhất được KBSV nghiên cứu và khuyến nghị nắm giữ trong 3 tháng tới với mục đích mang lại hiệu suất vượt trội so với chỉ số VN30.
- Ngưỡng cắt lỗ tại -15%
- Danh mục giả định luôn duy trì tỷ trọng 100% cổ phiếu (bao gồm CCQ ETF) với trọng số được phân bổ đều giữa các mã. NĐT cần kết hợp với xu hướng thị trường và mức độ hấp dẫn của từng mã để điều chỉnh tỷ trọng tương ứng.

	VN30 Index	Master Portfolio
Tăng trong phiên	0.25%	1.60%
Tăng lũy kế (YTD)	6.21%	25.94%

So sánh hiệu suất với VN30 Index



Danh mục đầu tư mẫu cho NĐT trong nước

Mã CP	Ngày khuyến nghị	Giá đóng cửa 27/10/2023	Tăng/giảm trong phiên (%)	Tăng/giảm lũy kế (%)	Điểm nhấn đầu tư
Marinetime Bank (MSB)	05/09/2023	12,300	0.8%	-17.4%	- NIM lũy kế 4 quý đạt 4,26%, ổn định ở mức cao nhờ lợi thế về CASA và lãi suất cho vay - Tổng tín dụng tăng trưởng 13.2% YTD, outperform so với mức tăng của ngành là 2.06% - Kỳ vọng tăng trưởng tín dụng trong 2023 đạt 17-20%
Coteccons (CTD)	02/10/2023	54,800	6.8%	14.6%	- Hạch toán doanh thu, lợi nhuận từ dự án LEGO vào cuối Quý 4/2023 - Lượng tiền mặt lớn so với các đối thủ khác - Nguồn backlog đảm bảo doanh thu
Kinh Bắc (KBC)	02/10/2023	28,500	-0.2%	-11.8%	- Kỳ vọng ghi nhận doanh số cho hơn 160ha đất KCN trong năm nay - Trùng Duệ 3 dự kiến hoàn thành pháp lý trong năm nay và ghi nhận doanh thu cho thuê bắt đầu từ 2024
PV Drilling (PVD)	01/08/2023	25,800	2.6%	1.2%	- Nhu cầu thuê giàn tăng mạnh trong khi nguồn cung thắt chặt - Kỳ vọng cải thiện giá cước giàn JU - Kỳ vọng thị trường E&P nội địa sôi động hơn từ 2024
Dabaco (DBC)	05/09/2023	20,600	1.5%	-17.1%	- Giá thịt heo tiếp tục hồi phục về quanh 65-68,000 đồng/kg trong nửa cuối năm - Giá nguyên liệu đầu vào thường có xu hướng giảm trong El Nino giúp biên LNG cải thiện - Kỳ vọng ghi nhận khoản lợi nhuận 150 tỷ đồng từ dự án Parkview
TNG Inv. & Trading (TNG)	05/09/2023	18,200	4.6%	-9.9%	- Đạt KQKD tích cực 7 tháng đầu năm, kỳ vọng tăng trưởng 18% - 20% trong năm 2023 - Hưởng lợi từ tăng trưởng mảng công nghệ ở các thị trường chủ lực (Mỹ, Nhật) - Mảng giáo dục đầu tư duy trì tốc độ tăng trưởng cao và ổn Định
Hai An Transport (HAH)	05/09/2023	31,800	0.0%	-11.0%	- Đà giảm giá cước vận tải kỳ vọng sẽ chậm lại và doanh thu từ đội tàu tiếp tục duy trì - Dự thảo đề xuất điều chỉnh giá sà lan dịch vụ bốc dỡ tại cảng tăng 10% - HAH đang đầu tư đóng mới 3 tàu với tổng vốn đầu tư dự kiến lên đến 2,000 tỷ VND
Vinhomes (VHM)	02/10/2023	39,200	-6.2%	-14.3%	- Tiếp tục mở rộng quỹ đất tại các dự án ở Hải Phòng, Long An, Khánh Hòa - Kết quả kinh doanh tăng trưởng mạnh mẽ - Tiến độ mở bán các dự án quy mô nhỏ tiến triển tốt
PV Power (POW)	02/10/2023	11,000	1.9%	-6.4%	- Các nhà máy của POW hoàn thành sửa chữa và đại tu trong 2023 - Giá cổ phiếu chiết khấu sâu so với mức định giá
Petro Technical (PVS)	02/10/2023	37,100	4.2%	-2.1%	- Kỳ vọng mảng M&C dầu khí nội địa sôi động hơn từ 2024 - Lợi thế cạnh tranh trong mảng M&C năng lượng tái tạo

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Thống kê thị trường

HSX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
DGC	-4.1%		101.9
VCI	-1.5%		46.6
VND	-6.5%		37.3
VCB	1.1%		28.7
STB	-5.9%		23.9

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
VHM	0.0%		-296.0
TCB	-4.9%		-43.0
FUESSVFL	0.0%		-32.2
MSN	0.4%		-26.1
VIC	-0.2%		-21.7

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

HNX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
PVS	-5.7%		9.4
TNG	-1.1%		9.0
CEO	-3.5%		1.6
HUT	-8.4%		1.4
MBS	-7.0%		1.3

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
SHS	-8.6%	0.1%	-10.0
VCS	-4.8%	0.6%	-1.3
VIG	-4.6%	9.0%	-0.4
IDC	-7.0%	10.9%	-0.2
DDG	0.0%	69.6%	-0.1

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VND tỷ, USD mn)	GTGD (VND triệu, USD mn)	Room còn lại (%,-1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)				
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD	
Bất Động Sản	VIC	VINGROUP JSC	97,778	372,067 (16,170)	319,442 (13.1)	22.5	46.8	52.7	14.7	3.6	3.6	1.4	1.4	0.0	-4.0	-8.0	-22.7	
	VHM	VINHOMES JSC	79,385	339,478 (14,753)	198,195 (8.1)	26.6	4.8	4.7	35.9	21.2	18.0	0.9	0.8	-6.2	-	-	-18.3	
	VRE	VINCOM RETAIL JS	34,850	79,190 (3,442)	87,000 (3.6)	17.8	12.7	11.9	-7.6	11.9	11.4	1.4	1.3	-6.9	-	-	-12.9	
	NVL	NOVALAND INVESTM	45,853	86,712 (3,768)	250,433 (10.2)	31.3	-	-	6.7	-3.8	-0.7	0.7	0.7	3.1	-3.6	-	-	-5.0
	KDH	KHANG DIEN HOUSE	25,770	19,167 (833)	36,916 (1.5)	11.6	23.2	20.6	13.7	8.2	8.2	1.7	1.7	-0.7	-2.0	0.5	22.9	
	DXG	DAT XANH GROUP	21,130	12,594 (547)	268,759 (11.0)	13.9	31.3	33.3	-	3.7	3.4	1.1	1.1	6.7	3.9	-9.4	36.5	
Ngân hàng	VCB	BANK FOR FOREIGN	67,686	378,305 (16,441)	73,870 (3.0)	6.3	14.4	12.2	11.7	22.7	21.3	2.8	2.3	0.6	0.2	-3.2	25.5	
	BID	BANK FOR INVESTM	34,507	174,556 (7,586)	39,640 (1.6)	12.7	10.8	8.6	-5.3	19.4	19.6	1.8	1.5	3.6	3.7	-5.4	8.8	
	TCB	VIETNAM TECHNOLO	38,900	136,341 (5,925)	98,713 (4.0)	0.0	5.9	4.5	14.3	14.8	16.4	0.8	0.7	-0.8	-5.0	-9.4	14.3	
	CTG	VIETNAM JS COMM	28,512	137,021 (5,955)	97,851 (4.0)	1.4	7.8	6.4	50.3	16.6	17.2	1.1	0.9	-0.5	-4.1	-9.0	3.5	
	VPB	VIETNAM PROSPERI	15,296	101,381 (4,406)	280,569 (11.5)	0.0	10.2	7.7	18.8	10.8	12.0	1.2	1.0	0.0	-6.5	-3.8	12.8	
	MBB	MILITARY COMMERC	14,063	73,327 (3,187)	122,700 (5.0)	0.0	4.7	4.0	14.6	22.5	22.7	1.0	0.8	1.5	-2.8	-5.7	17.4	
	HDB	HDBANK	14,191	40,641 (1,766)	143,812 (5.9)	4.2	5.6	4.1	23.3	21.2	24.3	1.1	0.9	1.5	-2.8	-0.9	24.4	
	STB	SACOMBANK	18,600	33,548 (1,458)	504,526 (20.6)	14.0	7.6	4.8	26.5	18.0	23.2	1.2	0.9	2.1	-4.7	-9.7	27.6	
	TPB	TIEN PHONG COMME	14,821	28,732 (1,249)	77,436 (3.2)	0.0	4.7	3.9	37.4	19.1	19.3	1.0	0.8	1.3	-1.8	-9.0	7.1	
EIB	VIETNAM EXPORT-I	13,065	22,745 (988)	89,544 (3.7)	0.2	16.1	9.7	27.3	10.4	15.7	1.4	1.3	3.5	0.6	-1.9	-9.8		
Bảo hiểm	BVH	BAO VIET HOLDING	61,900	45,950 (1,997)	12,627 (0.5)	21.0	16.2	16.0	15.8	8.9	8.7	1.4	1.3	1.2	-3.7	-6.8	-15.2	
	BMI	BAOMINH INSURANC	20,227	2,439 (106)	2,858 (0.1)	14.2	-	-	9.1	13.4	-	-	-	1.2	-7.6	14.1	5.7	
Chứng khoán	SSI	SSI SECURITIES C	20,676	19,947 (867)	804,525 (32.9)	55.4	28.2	22.2	-3.2	8.1	8.9	2.0	2.0	2.6	-5.9	-	66.4	
	VCI	VIETCAP	21,154	9,108 (396)	238,088 (9.7)	71.9	22.5	16.8	-4.0	10.5	13.6	2.3	2.2	4.7	-4.6	17.2	53.1	
	HCM	HO CHI MINH CITY	22,265	8,907 (387)	145,335 (5.9)	52.4	-	-	-19.0	-	-	-	-	2.6	-4.8	12.7	37.5	
	VND	VNDIRECT SECURIT	6,983	5,734 (249)	501,981 (20.5)	27.2	19.3	14.4	36.3	7.9	10.2	1.5	1.4	1.1	-7.3	15.3	37.0	
Hàng tiêu dùng thiết yếu	VNM	VIET NAM DAIRY P	109,000	227,805 (9,900)	143,298 (5.9)	42.1	18.9	16.1	4.0	28.9	31.8	5.4	5.5	1.5	-5.9	11.2	-10.6	
	SAB	SAIGON BEER ALCO	96,250	123,447 (5,365)	29,580 (1.2)	36.9	17.4	15.6	7.3	19.4	19.7	3.2	2.8	-4.7	-9.9	14.8	-24.4	
	MSN	MASAN GROUP CORP	79,250	111,712 (4,855)	122,716 (5.0)	16.5	39.8	23.7	-51.9	3.9	11.7	3.0	2.7	-5.9	16.2	23.9	-37.8	
	HNG	HOANG ANH GIA LA	12,450	13,801 (600)	7,054 (0.3)	48.8	-	-	-	-	-	-	-	2.0	-2.4	-4.7	-13.2	
Công nghiệp (vận tải)	VJC	VIETJET AVIATION	131,800	69,042 (3,001)	106,180 (4.3)	11.0	91.7	34.4	-88.5	3.6	10.3	3.6	3.2	0.0	-5.1	0.1	-8.9	
	GMD	GEMADEPT CORP	33,100	9,976 (434)	100,911 (4.1)	10.8	9.2	17.3	-57.0	29.3	12.2	2.1	2.0	5.9	-2.3	-2.3	37.7	
	CII	HO CHI MINH CITY	22,600	5,398 (235)	145,341 (5.9)	38.4	30.0	19.2	65.7	2.4	3.8	0.7	0.7	2.7	-7.1	21.8	17.1	
Công nghiệp (Tư bản)	ROS	FLC FAROS CONSTR	3,670	2,083 (091)	#N/A (#N/A)	46.4	-	-	-92.4	-	-	-	-	-	-	-	-	
	GEX	GELEX GROUP JSC	15,802	10,411 (452)	343,266 (14.0)	37.7	23.4	15.7	-14.4	3.5	6.7	-	-	2.6	-5.0	-2.9	60.5	
	CTD	COTECCONS CONSTR	54,900	5,438 (236)	48,944 (2.0)	3.6	19.2	18.8	-52.4	3.3	2.7	0.6	0.6	6.8	7.5	16.0	122.1	
	REE	REE	45,066	18,419 (800)	25,268 (1.0)	0.0	8.9	7.3	-4.5	14.7	15.2	1.2	1.0	-1.8	-8.9	12.6	-11.5	

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VND tỷ, USDmn)	GTGD (VND tỷ, USDmn)	Room còn lại (%,-1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)				
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD	
Tiện ích	GAS	PETROVIETNAM GAS	75,083	172,447 (7,494)	51,089 (2.1)	46.1	14.5	14.9	-17.5	19.3	17.0	2.7	2.5	2.8	-6.7	-	12.7	-8.3
	NT2	PETROVIETNAM NHO	22,850	6,578 (286)	12,411 (0.5)	31.4	11.7	9.3	-10.5	12.2	15.2	1.4	1.4	2.4	0.0	-6.5	-20.3	
	PPC	PHA LAI THERMAL	26,200	8,400 (365)	1,269 (0.1)	34.1	12.6	6.8	-5.1	6.7	11.7	0.8	0.8	0.0	-7.1	-9.5	-1.6	
Nguyên vật liệu	HPG	HOA PHAT GRP JSC	24,986	145,287 (6,314)	451,626 (18.5)	18.0	19.1	10.0	21.9	7.5	13.3	1.3	1.2	2.4	-4.1	-	11.9	29.7
	DPM	PETROVIETNAM FER	17,400	6,809 (296)	143,956 (5.9)	36.5	9.8	6.9	-0.5	9.4	14.0	1.0	0.9	0.9	12.1	13.3	-25.7	
	DCM	PETRO CA MAU FER	13,650	7,226 (314)	186,042 (7.6)	46.5	11.4	7.2	-4.5	12.0	17.6	1.2	1.2	2.2	14.8	12.3	7.5	
	HSG	HOA SEN GROUP	18,314	11,063 (481)	169,735 (6.9)	38.9	18.0	12.9	67.9	5.8	11.6	1.0	0.9	6.3	-0.8	-	11.8	57.4
	AAA	AN PHAT BIOPLAST	12,864	3,138 (136)	21,230 (0.9)	97.2	-	-	17.2	-	-	-	-	2.6	-4.5	-9.2	22.3	
Năng lượng	PLX	VIETNAM NATIONAL	56,100	68,375 (2,972)	37,567 (1.5)	4.6	13.6	12.2	-51.0	12.6	12.4	1.6	1.5	0.3	-6.8	-9.7	4.1	
	PVD	PETROVIETNAM DRI	17,727	9,854 (428)	185,962 (7.6)	39.9	34.1	21.9	-11.9	4.6	7.5	1.0	1.0	2.6	-8.8	2.4	44.5	
	PVT	PETROVIET TRANSP	17,900	5,793 (252)	133,366 (5.5)	35.9	8.8	8.4	2.2	15.2	14.1	1.2	1.1	-1.6	-	-6.5	14.5	
Hàng tiêu dùng không thiết yếu	MWG	MOBILE WORLD INV	46,500	65,024 (2,826)	349,947 (14.3)	0.0	54.3	14.9	14.4	3.2	14.9	2.6	2.3	0.0	-6.0	-	19.2	-2.1
	PNJ	PHU NHUAN JEWELR	65,625	19,895 (865)	29,371 (1.2)	0.0	13.7	11.8	2.4	20.2	21.1	2.6	2.3	-0.5	-2.4	-7.0	-18.1	
	YEG	YEAH1 GROUP CORP	40,300	1,261 (055)	5,133 (0.2)	70.6	-	-	-	-	-	-	-	6.9	21.6	53.7	108.8	
	FRT	FPT DIGITAL RETA	16,348	2,227 (097)	68,770 (2.8)	30.3	-	26.7	-75.2	-	12.4	23.8	6.1	5.1	-0.1	-2.0	9.2	54.7
Chăm sóc sức khỏe	PHR	PHUOC HOA RUBBER	61,900	8,387 (365)	18,576 (0.8)	34.6	12.4	15.3	41.2	15.2	12.2	1.8	1.8	-0.9	-5.8	-6.6	13.8	
	DHG	DHG PHARMACEUTIC	100,300	13,114 (570)	4,098 (0.2)	45.4	11.7	11.0	10.7	25.4	23.8	2.7	2.3	-1.5	-	-	19.4	
IT	PME	PYMEPHARCO JSC	80,200	6,016 (261)	#N/A (#N/A)	11.7	-	-	1.6	-	-	-	-	-	-	-	-	
	FPT	FPT CORP	49,275	61,301 (2,664)	248,797 (10.2)	0.0	17.6	14.3	15.5	26.9	28.2	4.5	4.5	0.2	-6.4	-7.7	30.1	

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KHỐI PHÂN TÍCH CÔNG TY CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM

Nguyễn Xuân Bình – Giám đốc phân tích
binhnx@kbsec.com.vn

Phân tích doanh nghiệp

Ngân hàng, Bảo hiểm & Chứng khoán

Nguyễn Anh Tùng – Trưởng nhóm
tungna@kbsec.com.vn

Phạm Phương Linh – Chuyên viên phân tích
linhpp@kbsec.com.vn

Bất động sản, Xây dựng & Vật liệu xây dựng

Phạm Hoàng Bảo Nga – Chuyên viên phân tích cao cấp
ngaphb@kbsec.com.vn

Nguyễn Dương Nguyên – Chuyên viên phân tích
nguyennd1@kbsec.com.vn

Bán lẻ & Hàng tiêu dùng

Nguyễn Trường Giang – Chuyên viên phân tích
giangnt1@kbsec.com.vn

Bất động sản khu công nghiệp & Logistics

Nguyễn Thị Ngọc Anh – Chuyên viên phân tích
anhntn@kbsec.com.vn

Công nghệ thông tin & Tiện ích

Nguyễn Đình Thuận – Chuyên viên phân tích
thuannnd@kbsec.com.vn

Dầu khí & Hóa Chất

Phạm Minh Hiếu – Chuyên viên phân tích
hieupm@kbsec.com.vn

Khối phân tích
research@kbsec.com.vn

Phân tích vĩ mô & Chiến lược đầu tư

Trần Đức Anh – Giám đốc vĩ mô & Chiến lược đầu tư
anhhd@kbsec.com.vn

Vĩ mô & Ngân hàng

Hồ Đức Thành – Chuyên viên phân tích
thanhhd@kbsec.com.vn

Vũ Thu Uyên – Chuyên viên phân tích
uyenvt@kbsec.com.vn

Chiến lược đầu tư

Thái Hữu Công – Chuyên viên phân tích
congh@kbsec.com.vn

Nghiêm Sỹ Tiến – Chuyên viên phân tích
tienss@kbsec.com.vn

Bộ phận Hỗ trợ

Nguyễn Cẩm Thơ – Chuyên viên hỗ trợ
thonc@kbsec.com.vn

Nguyễn Thị Hương – Chuyên viên hỗ trợ
huongnt3@kbsec.com.vn

CTCP CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM (KBSV)

Trụ sở chính:

Địa chỉ: Tầng 16&17, Tháp 2, Tòa nhà Capital Place, số 29 Liễu Giai, Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7303 5333 - Fax: (+84) 24 3776 5928

Chi nhánh Hà Nội:

Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà VP, số 5 Điện Biên Phủ, Quận Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7305 3335 - Fax: (+84) 24 3822 3131

Chi nhánh Hồ Chí Minh:

Địa chỉ: Tầng 2, TNR Tower Nguyễn Công Trứ, 180-192 Nguyễn Trứ, Q1, TP Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7303 5333 - Fax: (+84) 28 3914 1969

Chi nhánh Sài Gòn:

Địa chỉ: Tầng 1, Saigon Trade Center, 37 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Q1, Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7306 3338 - Fax: (+84) 28 3910 1611

LIÊN HỆ

Trung Tâm Khách hàng Tổ chức: (+84) 28 7303 5333 – Ext: 2656

Trung Tâm Khách hàng Cá nhân: (+84) 24 7303 5333 – Ext: 2276

Email: ccc@kbsec.com.vn

Website: www.kbsec.com.vn

Hệ thống khuyến nghị

Hệ thống khuyến nghị đầu tư cổ phiếu

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Mua:	Nắm giữ:	Bán:
+15% hoặc cao hơn	trong khoảng +15% và -15%	-15% hoặc thấp hơn

Hệ thống khuyến nghị đầu tư ngành

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Khả quan:	Trung lập:	Kém khả quan:
Vượt trội hơn thị trường	Phù hợp thị trường	Kém hơn thị trường

Ý kiến trong báo cáo này phản ánh đánh giá chuyên môn của (các) chuyên viên phân tích kể từ ngày phát hành và dựa trên thông tin và dữ liệu thu được từ các nguồn mà KBSV cho là đáng tin cậy. KBSV không tuyên bố rằng thông tin và dữ liệu là chính xác hoặc đầy đủ và các quan điểm được trình bày trong báo cáo này có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Khách hàng nên độc lập xem xét các trường hợp và mục tiêu cụ thể của riêng mình và tự chịu trách nhiệm về các quyết định đầu tư của mình và chúng tôi sẽ không có trách nhiệm đối với các khoản đầu tư hoặc kết quả của chúng. Những tài liệu này là bản quyền của KBSV và không được sao chép, phân phối lại hoặc sửa đổi mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của KBSV. Nhận xét và quan điểm trong báo cáo này có tính chất chung và chỉ nhằm mục đích tham khảo và không được phép sử dụng cho bất kỳ mục đích nào khác.

